

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20192
Lớp LTMT 2 K10 Mã lớp học 28,820 Lý thuyết

Môn học: LMH27 Phân tích thiết kế hệ thống

Giáo viên:.....*Bùi Thị Hoa*.....

Số đơn vị học trình: 2

Ngày thi *21/07/2020*

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD180944	Quách Ngọc Anh	12/11/2000	<i>6</i>		<i>Anh</i>	
2	CD181895	Nguyễn Thị Chi	16/11/2000	<i>7</i>		<i>Chi</i>	
3	CD181617	Nguyễn Quang Chiến	03/02/2000	<i>7</i>		<i>Chiến</i>	
4	CD181625	Lê Tiến Đạt	15/03/2000	<i>8</i>		<i>Đạt</i>	
5	CD181106	Dương Anh Đức	27/08/2000	<i>6</i>		<i>Đức</i>	
6	CD180877	Mai Duy Đức	20/03/2000	<i>8</i>		<i>Đức</i>	
7	CD181211	Đặng Hoàng Dương	22/12/2000	<i>6</i>		<i>Dương</i>	
8	CD180844	Nguyễn Hoàng Dương	02/06/2000	<i>6</i>		<i>Dương</i>	
9	CD181009	Trần Quang Hiến	11/06/2000	<i>5</i>		<i>Hiến</i>	
10	CD181588	Đinh Minh Hiếu	27/05/2000	<i>6</i>		<i>Hiếu</i>	
11	CD181707	Đoàn Minh Hiếu	12/09/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			
12	CD181300	Nguyễn Tự Minh Hiếu	09/10/2000	<i>6</i>		<i>Hiếu</i>	
13	CD180853	Nguyễn Phương Hoàng	20/09/2000	<i>6</i>		<i>Hoàng</i>	
14	CD180158	Nguyễn Quang Hoàng	01/09/1998	<i>6</i>		<i>Hoàng</i>	
15	CD181675	Lê Mạnh Hùng	14/12/2000	<i>6</i>		<i>Hùng</i>	
16	CD181284	Nguyễn Quang Hưng	21/05/2000	<i>6</i>		<i>Hưng</i>	
17	CD181384	Bùi Đăng Hữu	11/04/2000	<i>6</i>		<i>Hữu</i>	
18	CD181702	Nguyễn Quang Huy	25/02/2000	<i>6</i>		<i>Huy</i>	
19	CD181138	Đào Tuấn Kiệt	16/09/2000	<i>6</i>		<i>Kiệt</i>	
20	CD180937	Trần Hoàng Lâm	24/12/2000	<i>6</i>		<i>Lâm</i>	
21	CD181671	Nguyễn Lê Hải Linh	15/07/2000	<i>5</i>		<i>Linh</i>	
22	CD181688	Trần Minh Lộc	15/12/2000	<i>6</i>		<i>Lộc</i>	
23	CD181195	Đỗ Trọng Nguyên	04/01/2000				
24	CD181287	Vương Quang Ninh	24/01/2000	<i>6</i>		<i>Ninh</i>	<i>Vắng</i>
25	CD181346	Khúc Xuân Quý	07/09/2000	<i>6</i>		<i>Quý</i>	
26	CD181206	Ngô Quốc Quyền	30/09/2000	<i>5</i>		<i>Quyền</i>	
27	CD182151	Nguyễn Thị San	22/03/2000	<i>7</i>		<i>San</i>	
28	CD181695	Đặng Đình Tài	01/11/2000	<i>6</i>		<i>Tài</i>	
29	CD181401	Nguyễn Văn Thanh	04/01/2000	<i>6</i>		<i>Thanh</i>	
30	CD180819	Đặng Văn Thành	23/10/1999	<i>6</i>		<i>Thành</i>	
31	CD181246	Diêm Công Thành	27/10/2000	<i>6</i>		<i>Thành</i>	
32	CD181013	Dương Đình Tiến	21/08/2000	<i>6</i>		<i>Tiến</i>	
33	CD181592	Nguyễn Cơ Tình	23/10/2000	<i>6</i>		<i>Tình</i>	
34	CD181399	Nguyễn Quý Toàn	13/07/2000	<i>8</i>		<i>Toàn</i>	
35	CD182269	Nguyễn Thị Trinh	07/08/1999	<i>5</i>		<i>Trinh</i>	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD181177	Dương Tiến Trọng	30/12/2000	6		Trọng	
37	CD181304	Phùng Khắc Tú	04/11/2000	8		Tú	
38	CD181080	Nguyễn Như Tuấn	22/10/1999	6		Tuấn	

Tổng số sinh viên dự thi: 36.

Số sinh viên đạt: 36.

Tổng số tờ giấy thi: 36.

Ngày giáo viên nộp điểm:

Hạn cuối nộp điểm:

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Đỗ Thị Hoa

CÁN BỘ COI THI 1

TRƯỞNG KHOA

CÁN BỘ COI THI 2

H2

Hoàng Hải Vân Anh